

Số: 04/CV-HĐQT-VCA

Biên Hòa, ngày 28 tháng 02 năm 2020

V/v: Công bố thông tin Báo cáo
thường niên năm 2019 (PL04).

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên công ty: **Công Ty Cổ Phần Thép VICASA – VNSTEEL**
2. Mã chứng khoán: **VCA**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0251.3836148 Fax: 0251.3836505
5. Người thực hiện công bố thông tin:
 - Ông: Nguyễn Thanh Hùng, Kế toán trưởng Công ty.
 - Địa chỉ : Số 3+5 Lô C9, KP11, Phường Tân Phong, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai.
 - Điện thoại (di động): 0918655855
 - Điện thoại Công ty: 0251.3835025 Fax: 0251 3836969
6. Nội dung thông tin công bố:
Công ty Cổ phần Thép VICASA–VNSTEEL công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2019 (Phụ lục số 04).
7. Địa chỉ Website đăng tải nội dung: <http://www.thepbienhoa.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Người được ủy quyền CBTT



Nguyễn Thanh Hùng

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: P.TCKT Công ty

Phụ lục số 04

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP VICASA - VNSTEEL**
NĂM 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **3600961762**
- Vốn điều lệ: **151.873.220.000** Việt Nam đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **151.873.220.000** Việt Nam đồng
- Địa chỉ: KCN Biên Hòa I, đường số 9, P.An Bình, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- Số điện thoại: **0251.3836148**
- Số fax: **0251.3836505**
- Website: **www.vicasasteel.com; www.thepbienhoa.com.vn**
- Mã cổ phiếu (nếu có): **VCA**

Quá trình hình thành và phát triển

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4703000474 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 25/12/2007.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/12/2010.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/05/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 25/10/2013.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 18/04/2014.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 06/04/2016.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 09/08/2018.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3600961762 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 02/01/2019.

* Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán và được cấp mã chứng khoán (VCA) tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam kể từ ngày 15/11/2010.

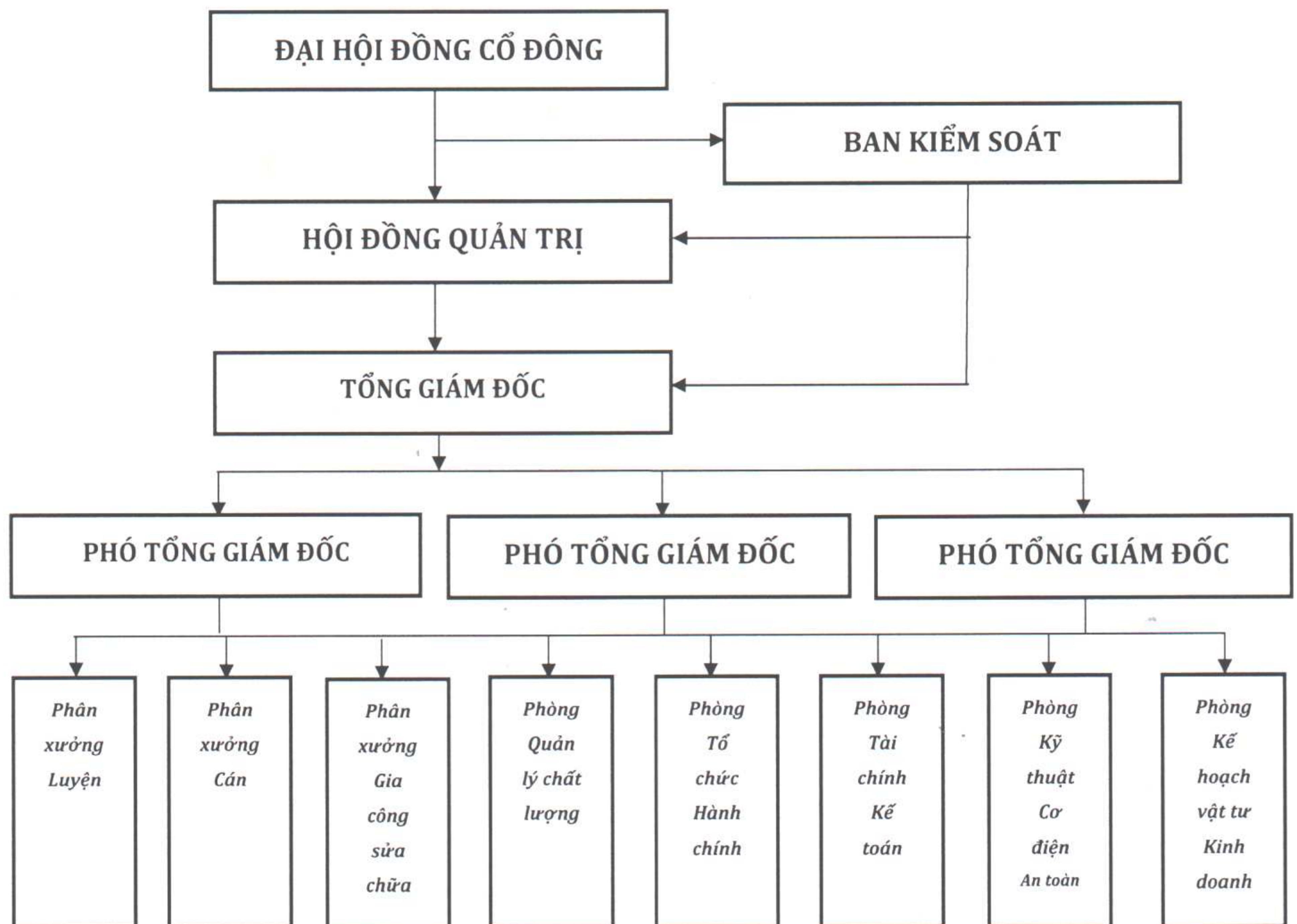
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- **Ngành nghề kinh doanh:** + Sản phẩm thép cán
+ Sản phẩm phôi thép

- **Địa bàn kinh doanh:**
 - + Thành phố Hồ Chí Minh
 - + Bà Rịa - Vũng Tàu
 - + Nha Trang
 - + Cần Thơ

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- **Mô hình quản trị.**



- **Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:** Theo mô hình Công ty Cổ phần, bao gồm:

- + Đại hội đồng Cổ đông;
- + Hội đồng Quản trị;
- + Ban kiểm soát;
- + Ban Tổng Giám đốc;
- + Các phòng Chuyên môn;
- + Các phân xưởng.

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định các vấn đề có liên quan tới phương hướng hoạt động, vốn điều lệ, kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty, nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những vấn đề khác được quy định trong Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị Công ty gồm 05 thành viên, trong đó có 02 thành viên không chuyên trách và 01 thành viên độc lập.

- + Ông Lê Văn Cam - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- + Ông Huỳnh Công Du - Thành viên;
- + Ông Nguyễn Đông Vững - Thành viên;
- + Ông Võ Hựu - Thành viên;
- + Ông Nguyễn Bảo Giang - Thành viên.

Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có trách nhiệm kiểm tra báo cáo Tài chính hàng quý, năm, xem xét các báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ và các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Công ty.

Ban kiểm soát của Công ty hiện nay gồm 03 thành viên:

- + Ông Nguyễn Phước Hải - Trưởng ban kiểm soát;
- + Ông Lê Trọng Dung - Thành viên;
- + Ông Hồ Duy Khải - Thành viên.

Ban Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giúp việc Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng ban phân xưởng chức năng.

Các phó Tổng giám đốc: Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một lĩnh vực hoặc một số lĩnh vực được Tổng Giám đốc phân công, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và trước pháp luật về lĩnh vực mình được phân công phụ trách.

Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện nay gồm 01 Tổng giám đốc và 02 phó Tổng Giám đốc:

- + Ông Huỳnh Công Du - Tổng giám Đốc;
- + Ông Vương Thanh Đường - Phó Tổng Giám đốc;
- + Ông Nguyễn Đông Vững - Phó Tổng Giám đốc.

Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Thanh Hùng.

Các Phòng Ban, Phân xưởng của Công ty: gồm 05 phòng và 03 phân xưởng.

- + Phòng Tổ chức Hành chính: - Ông Vũ Hồng Khanh: Trưởng phòng;
- + Phòng Tài chính Kế toán - Ông Nguyễn Thanh Hùng: Trưởng phòng;
- + Phòng Kế hoạch Vật tư Kinh doanh - Ông Phạm Xuân Phong: Trưởng phòng;
- + Phòng Kỹ thuật Cơ điện An toàn - Ông Nguyễn Quyết Chiến: Trưởng phòng;

- + Phòng Quản lý Chất lượng
 - + Phân xưởng Luyện
 - + Phân xưởng Cán
 - + Phân xưởng Gia công Sửa chữa
 - Bà Nguyễn Thị Hải Đường: Trưởng phòng;
 - Ông Ngô Tiên Thọ: Quản đốc;
 - Ông Lê Trọng Dung: Quản đốc;
 - Ông Trần Ngọc Quân: Quản đốc.
- **Các công ty con, công ty liên kết:** Không có Công ty con, không có Công ty liên kết.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2019:

+ Kế hoạch sản xuất:

Sản lượng phôi thép: 195.000 tấn.

Sản lượng thép cán: 180.000 tấn.

+ Doanh thu: 2.979 tỷ đồng.

+ Kế hoạch tiêu thụ:

Tiêu thụ phôi thép: 13.000 tấn.

Tiêu thụ thép cán: 180.000 tấn.

+ Lợi nhuận trước thuế: 30.000 triệu đồng.

+ Cổ tức: 15 %

- Công tác an toàn vệ sinh môi trường:

Trong năm 2019, Công ty tiếp tục triển khai thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động như sau:

+ Công ty đã triển khai ký hợp đồng với Công ty TNHH Huấn Luyện An Toàn Kỹ Thuật Miền Nam tổ chức huấn luyện cho người lao động theo nghị định 44/2016/NĐ-CP. Ban kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động của Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy trình, quy định và trang bị bảo vệ cá nhân của người lao động, nhắc nhở công tác vệ sinh công nghiệp, tăng cường sửa chữa và làm mới lan can an toàn tại PX. Cán thép và PX. Luyện thép.

+ Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thực hiện thu gom xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.

+ Thực hiện đo đạc chống sét, triển khai thực hiện kiểm định toàn bộ các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.

+ Thực hiện đo đạc và báo cáo giám sát môi trường 04 lần/năm theo quy định.

+ Tổ chức huấn luyện kiến thức về đánh giá rủi ro tai nạn tiềm ẩn và triển khai thực hiện hàng tháng tại các đơn vị trong Công ty.

+ Triển khai việc đọc quy trình quy định an toàn đầu giờ.

+ Làm bảng điện tử về kỷ lục những ngày không tai nạn và ban hành quy chế thưởng trong công tác an toàn lao động.

+ Cập nhật bổ sung các quy định an toàn, hướng dẫn công việc.

+ Làm thêm các bảng hiệu quy định an toàn, các bảng cảnh báo...

+ Quy hoạch mặt bằng vệ sinh công nghiệp.

+ Cải tạo sửa chữa xe chữa cháy, vệ sinh môi trường.

+ Thành lập ban chỉ đạo công tác PCCC, Phòng chống thiên tai, kiện toàn lại mạng lưới ATVSV, đội PCCC, đội phòng chống lụt bão của Công ty. Tổ chức cho đội PCCC của Công ty tập huấn và tham dự hội thao PCCC do Công an Thành Phố Biên Hòa tổ chức.

+ Trong năm 2019 có: 04 vụ TNLĐ nhẹ (năm 2018: 5 vụ tai nạn lao động, trong đó có 3 vụ nhẹ, 2 vụ nặng). Số người bị tai nạn năm 2019: 4 người. Nguyên nhân chủ yếu là do người lao động còn chủ quan trong việc thực hiện quy trình quy định an toàn.

- Công tác tổ chức lao động, tiền lương:

Công tác tổ chức lao động:

+ Số lao động đầu năm: 449 người. Số lượng CBCNV đến ngày 31/12/2019 là 435 người; Số lao động giảm trong năm: 33 người; số lao động tăng: 19 người. Lao động bình quân trong năm: 436 người/tháng.

+ Trong năm qua, Công ty thực hiện công tác tổ chức, tuyển dụng, bố trí, sắp xếp và luân chuyển, bổ nhiệm CBCNV đáp ứng yêu cầu của Công ty. Trong đó: Điều động 23 người, tuyển dụng: 19 người. Trong năm Công ty cũng đã chuyển bộ phận Oxy, trạm điện về cho PX. GCSC quản lý.

+ Tổ chức tốt các Hội nghị, tiếp khách, cuộc họp, hội thảo trong nước và tham dự các chương trình hội thảo nước ngoài theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc.

+ Trong năm 2019, Công ty đã tiến hành rà soát bổ sung và ban hành nhiều quy định mới như: Quy định chức năng các đơn vị trong Công ty; quy định đánh giá xếp loại cán bộ hàng năm; Quy chế dân chủ cơ sở của Công ty; Quy định phân phối các khoản tiền thưởng tiết kiệm vật tư, nguyên nhiên liệu, năng lượng, thưởng năng suất; Quy chế đào tạo nguồn nhân lực; Quy định thưởng an toàn lao động; Quy định thẩm quyền ký văn bản; Quy định thăm hỏi gia đình CBCNV khi có tang, tặng quà đối với CBCNV đã nghỉ hưu hoặc chuyển công tác; Quy định xếp loại thi đua...

Công tác lao động tiền lương, đào tạo:

Năm 2019, Cty đã thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động:

- Số lao động đến thời điểm 31/12/2019: 435 người (Trong đó: Số lao động tăng: 19 người; Số lao động giảm: 33 người).

- Thu nhập bình quân năm 2019 là: 17,53 trđ/người/tháng (năm 2018 là: 17,94 trđ).

- Thu, trích nộp BHXH, BHYT, BHTN đúng theo quy định;

- Tổ chức 08 lớp đào tạo nâng bậc cho 40 công nhân.

- Đào tạo nghề mới cho công nhân mới: 15 người (nghề bảo trì, sửa chữa máy lạnh).

- Tổ chức 04 lớp nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho CBCNV như: Kỹ năng giao tiếp hiệu quả; quản trị tồn kho, quản lý kho bãi; Kiểm tra chất lượng sản phẩm, các công cụ thống kê dùng cải tiến/kiểm soát chất lượng; Chuyển đổi hệ thống ISO 17025:2005 sang phiên bản mới ISO 17025:2017. Tổng số người được đào tạo: 146 người.

- Tổ chức lớp đào tạo “Thức ăn quyết định số phận của bạn” để giúp cho CBCNV nhận thức được tầm quan trọng của việc ăn uống khoa học và góp phần thực hiện mục tiêu “Làm việc để hạnh phúc, hạnh phúc khi làm việc tại VICASA”.

- Đã hoàn thành việc soạn thảo các giáo trình đào tạo: Kiểm tra chất lượng sản phẩm; sửa chữa điện; sửa chữa cơ; vận hành máy nén khí; sửa chữa ô tô, tiện, phay, bào; luyện thép.

- Nâng lương cho 62 CBCNV; chuyển xếp lương mới cho 445 người theo đúng quy định của Công ty.

Công tác thực hiện chế độ: Thực hiện chế độ chính sách chế độ đối với người lao động.

+ Chế độ nghỉ việc: 31 người; nghỉ hưu: 01 người; tai nạn lao động: 02 người; nghỉ ốm đau: 179 người, số ngày nghỉ ốm: 2.198 ngày; thai sản: 02 người. Giải quyết chế độ nghỉ phép đúng quy định cho: 139 người. Thanh toán đầy đủ chế độ tiền tàu xe theo đúng quy định của Công ty và giải quyết đầy đủ các chế độ khác cho người lao động như: Làm thêm giờ, ca đêm, phụ cấp tiền điện thoại, tiền trực lễ, tết...

+ Thực hiện việc cấp phát bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các CBCNV làm việc ở các vị trí có yếu tố nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm.

+ Duy trì và cải thiện các chế độ phúc lợi cho CBCNV như: may mỗi người 2 áo đồng phục, phát tiền may quần và giày 3.000.000 đồng/người, trang bị thêm trang phục dự họp cho 31 cán bộ Công ty; khám sức khỏe nhiều nội dung hơn so với năm 2018 như: Siêu âm tuyến giáp, tầm soát ung thư phổi, gan, buồng trứng... Tổ chức nghỉ mát cho Người lao động với số tiền: 8.000.000 đồng/người. Ngoài ra Công ty còn thực hiện nhiều chế độ khác cho người lao động như: Chi tiền sinh nhật của CBCNV; chế độ trợ cấp tiền nghỉ mát cho CBCNV; chế độ kết hôn; chế độ đồng phục; trợ cấp quà Tết Trung thu cho CBCNV; trợ cấp CBCNV là thương binh; con liệt sĩ nhân ngày 27/7; trợ cấp CBCNV đã từng tham gia quân đội nhân dịp ngày 22/12, mua bảo hiểm sức khỏe cho CBCNV 4 mức (năm 2018: 2 mức).

+ Phối hợp với Công đoàn, Đoàn Thanh niên Công ty tổ chức hoạt động văn thể mỹ cho CBCNV Công ty, tổ chức ngày gặp gỡ CBCNV hưu trí...

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho CBCNV Công ty:

+ Thực hiện tốt công tác sơ cấp cứu các ca bị TNLD: 04 trường hợp. Khám chữa bệnh và cấp phát thuốc điều trị cho CBCNV, cấp thuốc đúng đối tượng phù hợp với điều kiện lao động của Công ty.

+ Thực hiện tốt công tác khám sức khỏe định kỳ. Trong năm 2019 đã tiến hành khám sức khỏe định kỳ cho 438 người, khám bệnh nghề nghiệp là 171 người.

Công tác bảo vệ:

+ Đội bảo vệ Công ty vẫn đảm bảo tốt về an ninh chính trị, bảo vệ nội bộ. Trong năm không để xảy ra các vụ mất trộm, các vụ đình công, lãng công, tuyên truyền kích động...

+ Bảo vệ tài sản, ghi chép sổ sách theo đúng quy định; công tác tuần tra giám sát tốt; các vụ việc xảy ra đều được phát hiện và ngăn chặn kịp thời.

+ Công tác an toàn phòng chống cháy nổ và phòng chống lụt bão tốt (luôn đảm bảo trang bị và theo dõi đầy đủ phương tiện PCCC cho các đơn vị).

+ Công tác tự vệ được huấn luyện tốt theo hướng dẫn của cấp trên.

Công tác Tài chính – Kế toán:

Các khoản phải thu: Cuối kỳ so với đầu kỳ giảm 18,74%.

<u>Số dư các khoản phải thu đến ngày 31/12/2019 là:</u>	<u>114.311 triệu đồng</u>
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng:	111.827 triệu đồng
- Trả trước cho người bán ngắn hạn:	1.883 triệu đồng
- Phải thu ngắn hạn khác:(Thuế TNCN, tạm ứng, ký quỹ,...)	666 triệu đồng
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: (Mười Thanh)	- 65 triệu đồng

Hàng chậm luân chuyển kém phẩm chất không sử dụng được:

+ Tính đến thời điểm 30/11/2019 hàng chậm luân chuyển, kém phẩm chất không sử dụng được là: 2.223.214.062 đồng, trong đó:

+ Hàng chậm luân chuyển: 1.715.908.061 đồng.

+ Hàng kém phẩm chất lạc hậu không sử dụng: 507.306.001 đồng.

+ Đối với hàng chậm luân chuyển của Công ty là do mua về dự phòng để khi có hỏng hóc xảy ra thì có vật tư phụ tùng thay thế kịp thời để không ảnh hưởng đến sản xuất. Đối với các vật tư kém phẩm chất và lạc hậu do thay đổi công nghệ và tồn đọng lâu ngày nên không còn sử dụng được, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng trong năm 2019.

Công tác tài chính khác:

- Phối hợp với các đơn vị bổ sung quy trình, quy định theo kiến nghị của Đoàn kiểm toán Nhà nước.

- Cập nhật phân tích, đánh giá kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

- Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo đúng quy định.

- Lập các báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo quản trị nội bộ theo yêu cầu của Tổng Công ty và các cơ quan chức năng khác.

- Trích lập dự phòng vật tư nguyên vật liệu kém phẩm chất, lạc hậu do thay đổi công nghệ và tồn đọng lâu ngày không còn sử dụng được.

- Đáp ứng đầy đủ nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh.

Công tác kỹ thuật và công nghệ:

Trong năm 2019, để ổn định sản xuất Công ty đã thực hiện một số công tác kỹ thuật như sau:

- Công ty đã duy trì việc thu mua phế liệu chất lượng ổn định, đủ cơ cấu, chủng loại tạo thuận lợi cho công tác phối liệu. Phát huy tối đa khâu chế biến liệu, sửa chữa bảo dưỡng máy cắt bãm, thực hiện chế độ khoán đã nâng tỷ lệ liệu chế biến từ 20% lên 25%, giảm bình quân số thùng nạp liệu từ 5,0 thùng/mẻ xuống 4,6 thùng/mẻ, ngoài ra giảm thời gian đẽ liệu.

- Thiết bị lò EBT: Tiến hành thay mới khung, vỏ lò, khung treo nắp, vòng bi quay nắp lò. Đã tiến hành sửa chữa hệ thống thủy lực: Bổ sung bình tích năng tăng nguồn cấp hệ thống thủy lực, cải tiến hợp lý hóa toàn bộ hệ thống... Kết quả thiết bị lò hoạt động ổn định, quay mở nắp, nạp liệu nhanh hơn, thời gian nạp liệu giảm 0,81 phút/mẻ, thời gian thông điện giảm 2,75 phút/mẻ, thời gian cả mẻ luyện giảm 4,13 phút/mẻ so với cùng kỳ 2018.

- Phối hợp sản xuất cán, luyện duy trì và nâng cao tỷ lệ thỏi cán nóng, nhiệt độ thỏi, chất lượng thỏi, tạo điều kiện cho công nghệ cán ổn định.

- Dây chuyền cán thô hàng dọc lắp đặt xong và đi vào hoạt động ngày 10/6/2019, các chỉ tiêu năng suất, tiêu hao kim loại, tiêu hao điện, thép thanh ngắn tiến tiến hơn góp phần cho kết quả chung của năm 2019. Sau thời gian chạy thử đã phát huy hiệu quả trong sản xuất cán thép.

- Công tác sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng thiết bị được thực hiện theo kế hoạch, có phiếu giao việc, đánh giá kết quả công việc, đã duy trì sản xuất liên tục, trong năm không xảy ra các hư hỏng kéo dài, hiệu suất hoạt động thiết bị luyện 0,96, thiết bị cán 0,90.

- Tăng cường kiểm tra giám sát quá trình sản xuất, phát hiện bất thường xử lý kịp thời đảm bảo sản xuất ổn định hiệu quả. Cải tiến thiết bị, hợp lý hóa các khâu, tiết giảm chi phí trong sản xuất: Công việc bảo trì, sửa chữa máy lạnh tự thực hiện, mua sắm 02 máy tiện mới hạn chế việc gia công ngoài, lắp tụ bù cos ϕ không trả tiền điện vô công, gắn chế độ tự động không lãng phí điện chiếu sáng, sinh hoạt, chế độ tự động điều chỉnh chiều dài thỏi đúc giảm thép thanh ngắn, ứng dụng phần mềm trong hoạt động sản xuất...

- Thực hiện cho các đơn vị rà soát, cập nhật và xây dựng các quy trình, quy định để các bộ phận thực hiện nghiêm túc. Xây dựng bảng danh mục quy trình, quy định của các phòng ban, phân xưởng.

- Xây dựng hướng dẫn công việc (WI-Work Instruction): Hàng tháng các đơn vị lập kế hoạch xây dựng hướng dẫn công việc và phải hoàn thành trong tháng để làm tài liệu đào tạo cho công nhân mới. Ban ISO Công ty sẽ kiểm tra việc soạn hướng dẫn công việc của các đơn vị trong Công ty. Hàng tháng, Ban ISO báo cáo rõ từng đơn vị đã hoàn thành được bao nhiêu hướng dẫn công việc. Mục tiêu trong năm 2019 là các đơn vị phải hoàn thành hướng dẫn công việc đối với những công việc chính của đơn vị mình.

- Xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật cho các chất phụ gia dùng cho luyện thép, định mức tồn kho, chọn lựa nhà cung cấp, xây dựng quy định quản lý, sử dụng xăng dầu đã góp phần giảm tiêu hao vật tư, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh.

- Giảm tiêu điện máy cán, điện nung thời: Kiểm soát duy trì nhiệt độ thời đạt 950⁰C; tổ chức sản xuất kết hợp sản phẩm thép cán và sản phẩm thép thời hạn chế tối đa nung thời ở lò 06 lock. Áp dụng từ ngày 15/10/2019, giảm tiêu thụ điện năng 19,8 Kwh/tấn, trong đó máy cán: 8,4 Kwh/tấn, nung thời: 11,4 Kwh/tấn.

- Tiếp tục thực hiện công tác rà soát quy định thưởng phạt vật tư nguyên vật liệu để tăng tiết kiệm, giảm chi phí sản xuất cho Công ty

5. Các rủi ro:

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty thường xuyên theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2019

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh 2019

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:**

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Thực hiện 2018	Tỷ lệ % 2019 (TH/KH)	Tỷ lệ % (2019/2018)
Thép Luyện	Tấn	195.000	181.322	206.091	92,99%	87,98%
Thép Cán	Tấn	180.000	160.680	179.103	89,27%	89,71%
Tiêu thụ Phôi thép	Tấn	13.000	12.345	16.823	94,96%	73,38%
Tiêu thụ Thép cán	Tấn	180.000	164.128	170.013	91,18%	96,54%
Doanh thu	Tỷ đồng	2.979	2.214	2.512	74,32%	88,14%
Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	30,000	31,759	40,142	105,86%	79,12%

Về thực hiện so với kế hoạch (KH):

- + Sản lượng SX phôi thép đạt 92,99% (181.322 tấn / 195.000 tấn).
- + Sản lượng SX thép cán đạt 89,27% (160.680 tấn / 180.000 tấn).
- + Sản lượng phôi thép SX bán ngoài đạt 94,96% (12.345 tấn / 13.000 tấn).
- + Sản lượng tiêu thụ thép cán đạt 91,18% (164.128 tấn / 180.000 tấn).

Về thực hiện so với cùng kỳ:

- + Sản lượng SX phôi thép năm 2019 so với cùng kỳ giảm 12,02%.
- + Sản lượng SX thép cán năm 2019 so với cùng kỳ giảm 10,29%.
- + Sản lượng phôi thép SX bán ngoài năm 2019 so với cùng kỳ giảm 26,62%.
- + Sản lượng tiêu thụ thép cán năm 2019 so với cùng kỳ giảm 3,46%.

Hiện nay công tác tiêu thụ thực hiện theo Quy định quản lý giám sát hoạt động và tiêu thụ sản phẩm thép của Tổng Công ty đã từng bước đi vào ổn định và phát huy hiệu quả. Đã có gắn kết và đồng bộ nhất định giữa các Công ty cổ phần và Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam-VNSTEEL trong việc lập kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm cũng như trong việc xây dựng giá bán thép.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

2.1 Ông Huỳnh Công Du: Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Luyện kim; Cử nhân kinh tế.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.278.125 cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: Không, cổ phiếu được ủy quyền 2.278.125 cổ phiếu.

2.2 Ông Vương Thanh Đường: Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí Chế tạo máy.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 2.587 cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 2.587 cổ phiếu, cổ phiếu được ủy quyền: 0 cổ phiếu.

2.3 Ông Nguyễn Đông Vững: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh.

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.518.750 cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: Không, cổ phiếu được ủy quyền 1.518.750 cổ phiếu.

2.4 Ông Nguyễn Thanh Hùng: Kế toán trưởng

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp

Số lượng cổ phiếu nắm giữ: 1.958 cổ phiếu phổ thông, trong đó cá nhân sở hữu: 1.958 cổ phiếu.

- Số lượng cán bộ công nhân viên Công ty có đến 31/12/2019 là: 435 người.

3. Tình hình đầu tư phát triển và đầu tư mua sắm tài sản cố định (TSCĐ)

Căn cứ theo kế hoạch đã được Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP phê duyệt, năm 2019 Công ty đã triển khai thực hiện các hạng mục đầu tư phát triển và đầu tư mua sắm tài sản cố định sau:

a) Đầu tư phát triển:

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Tên dự án	Phân loại dự án	Tổng mức đầu tư	Cơ cấu nguồn vốn		Kết quả thực hiện năm 2019		
				Vốn CSH	Vốn vay	Tổng số	Vốn CSH	Vốn vay
1	Dự án chuyển tiếp		40,0	40,0	-	36,8	36,8	-
1.1	Cán thô hàng dọc	Nhóm C	40,0	40,0	-	36,8	36,8	-
2	Dự án khởi công mới		20,0	15,0	5,0			
2.1	Máy cắt băm phế liệu	Nhóm C	20,0	15,0	5,0	Đang lập báo cáo nghiên cứu khả thi		
	TỔNG CỘNG		60,0	55,0	5,0	36,8	36,8	-

b) Đầu tư mua sắm tài sản cố định (TSCĐ):

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Hạng mục	Tổng giá trị	Cơ cấu nguồn vốn		Kết quả thực hiện năm 2019		
			Vốn CSH	Vốn vay	Tổng số	Vốn CSH	Vốn vay
1	Máy nén khí trục vít 75S: 02 cái	0,796	0,796	-	0,796	0,796	-
2	Hệ thống điều khiển than điện cực lò EBT: trụ đỡ, ben nâng hạ, hệ thống thủy lực...	5,000	5,000	-	5,000	5,000	-
3	Đầu tư mua sắm bộ điều khiển máy trợ lực và quần rai Simac	0,754	0,754	-	0,754	0,754	-
4	Thay động cơ DC 350KW, hộp giảm tốc - truyền lực và hệ thống điều khiển đi kèm cho máy cán K14 và K15 (02 cụm)	4,400	4,400	-	0,796	0,796	-
5	Máy cắt thành phẩm thép thanh 11,7m, lực cắt 250 tấn, công suất 300.000 tấn/năm	2,400	2,400	-	Không thực hiện		
	TỔNG CỘNG	13,350	13,350	-	7,346	7,346	-

Tình hình thực hiện các dự án:

- Cán thô hàng dọc: Đã hoàn thành và đã đưa vào hoạt động từ ngày 10/06/2019.
- Máy cắt băm phế liệu: Đang tiến hành lập báo cáo nghiên cứu khả thi, chuyển tiếp sang năm 2020.
- Máy nén khí trục vít 75S: Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ ngày 09/05/2019.
- Đầu tư mua sắm bộ điều khiển máy trợ lực và quần rai Simac: Đã hoàn thành và đưa vào sử dụng từ tháng 11/2019.

- Hệ thống điều khiển than điện cực lò EBT: Công ty đã ký hợp đồng với Công ty DANIELI AUTOMATION S.P.A ngày 31/07/2019 để triển khai thực hiện, tháng 01/2020 hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Động cơ DC 350KW, hộp giảm tốc - truyền lực và hệ thống điều khiển đi kèm cho máy cán K14 và K15: Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Kỹ thuật điện Vạn Việt và Công ty CP Cơ khí luyện kim để triển khai thực hiện. Dự kiến đến cuối quý I/2020 sẽ hoàn thành đưa vào sử dụng, chuyển tiếp sang năm 2020.

- Máy cắt thành phẩm thép thanh: Không thực hiện

a. Các công ty con, công ty liên kết:

Không có Công ty con và Công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính:

ĐVT : Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Số cuối kỳ (CK)	Số đầu kỳ (ĐK)	Chênh lệch CK / ĐK	
				Giá trị	Tỉ lệ
A	B	1	2	3 = 1 - 2	4 = 3 / 2
A	TỔNG TÀI SẢN	507.438	611.006	(103.568)	-16,95%
I	Tài sản ngắn hạn	402.362	526.511	(124.149)	-23,58%
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	13.058	8.870	4.188	47,22%
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn				
3	Các khoản phải thu	114.311	140.677	(26.366)	-18,74%
4	Hàng tồn kho	263.139	359.059	(95.920)	-26,71%
5	Tài sản ngắn hạn khác	11.854	17.905	(6.052)	-33,80%
II	Tài sản dài hạn	105.076	84.495	20.581	19,59%
1	Phải thu dài hạn				
2	Tài sản cố định hữu hình	86.513	73.362	13.151	17,93%
3	Tài sản dở dang dài hạn	4.479	4.358	121	2,78%
4	Tài sản dài hạn khác	14.084	6.775	7.309	107,88%
B	TỔNG NGUỒN VỐN	507.438	611.006	(103.568)	-16,95%
I	Nợ phải trả	281.316	361.183	(79.867)	-22,11%
1	Nợ ngắn hạn	281.316	361.183	(79.867)	-22,11%
2	Nợ dài hạn				
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	226.122	249.823	(23.701)	-9,49%
1	Vốn chủ sở hữu	226.122	249.823	(23.701)	-9,49%
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác				

b. Chỉ số tài chính chủ yếu:

TT	Chỉ số	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018
1	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	20,71%	13,83%
2	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	79,29%	86,17%

3	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	55,44%	59,11%
4	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	44,56%	40,89%
5	Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,49	0,46
6	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,43	1,46
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	1,14%	1,28%
8	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng TS (ROA)	%	4,98%	5,25%
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11,19%	12,85%
10	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	VNĐ	1.665	2.113

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 15.187.322 cổ phần phổ thông. Trong đó:

- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là: 15.187.322 CP.
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không có.

b. Cơ cấu cổ đông:

- **Cổ đông trong nước: 15.182.260 CP Tỷ lệ: 99,97 %**
 - Cổ đông Nhà nước: 9.871.875 CP Tỷ lệ: 65,00 %
 - Cổ đông tổ chức: 2.108.948 CP Tỷ lệ: 13,89 %
 - Cổ đông cá nhân: 3.201.437 CP Tỷ lệ: 21,08 %
- **Cổ đông nước ngoài: 5.062 CP Tỷ lệ: 0,03 %**

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không có tăng vốn chủ sở hữu.

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Trong năm 2019 Công ty không có cổ phiếu quỹ

e. **Các chứng khoán khác:** Trong năm 2019 không có chứng khoán khác

6. Báo cáo tác động đến môi trường:

- Hệ thống làm mát khí thải sau khi đầu tư sửa chữa đã phát huy hiệu quả tốt, không gây khói bụi ra môi trường xung quanh.

- Để Công ty ngày càng phát triển bền vững, trong năm qua Công ty đã triển khai thực hiện tốt các công tác bảo vệ môi trường như trồng thêm cây xanh, duy trì hoạt động ổn định của hệ thống lò gia nhiệt trung tần đem lại hiệu quả kinh tế và môi trường.

- Công tác xử lý khí thải, nước thải đạt QCVN (Quy chuẩn Việt Nam) về môi trường. Công tác quản lý chất thải rắn được thực hiện nghiêm túc và có ký hợp đồng với đối tác có chức năng xử lý chất thải rắn để định kỳ xử lý.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Khó khăn

- *Thị trường thép thế giới:* Giá quặng sắt liên tục tăng cao trong 7 tháng đầu năm nhưng sau đó đã giảm mạnh trong các tháng tiếp theo. Các mặt hàng khác như thép phế, phôi thép có sự tăng giá trong quý I và giảm trong quý II, III. Nguyên nhân do căng thẳng thương mại Mỹ - Trung gây ảnh hưởng tâm lý của thị trường và việc nguồn cung quặng sắt tại Brazil và Úc đã phần nào được phục hồi trở lại.

- *Thị trường thép trong nước:*

+ Trong năm 2019, giá thép xây dựng trong nước có nhiều biến động với diễn biến giảm giá là chủ đạo. Đặc biệt là trong quý III và quý IV giá đã liên tục giảm, nhu cầu tiêu thụ thấp, trong khi đó giá phế liệu tăng rất nhanh nên gây rất nhiều khó khăn cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

+ Thị trường phôi thép cũng diễn biến tương tự như thép xây dựng. Tuy nhiên, tốc độ giảm giá nhanh hơn và sâu hơn.

+ Nhu cầu tiêu dùng thép trong nước và thế giới tiếp tục thấp và chưa có dấu hiệu phục hồi. Thị trường bất động sản trong nước khá ảm đạm do các dự án đầu tư trọng điểm quốc gia ngừng trệ, các dự án mới không triển khai. Bên cạnh đó, sự tham gia của 4 nhà máy mới: Hòa Phát – Dung Quốc, An Hưng Tường – Nghi Sơn, TungHo, Đông Nam Á khiến cho cuộc cạnh tranh về giá để giành thị phần diễn ra ngày càng gay gắt và khốc liệt. Thép Hòa Phát với quy mô sản lượng lớn và đã áp dụng chính sách giá bán thấp với mục đích thâm nhập lần chiếm dần vào thị trường phía Nam, đặc biệt là thị trường Miền Tây, gây áp lực lớn đến thị trường tiêu thụ chính của thép /V/. Bên cạnh đó, trong năm 2019 Công ty An Hưng Tường đã đưa vào vận hành nhà máy 500.000 tấn/năm ở Bình Dương, Thép Đông Nam Á đầu tư thêm dây chuyền cán và lò trung tần nâng công suất thêm 500.000 tấn/năm. Sản phẩm chủ lực của 2 Công ty này là thép dân dụng CB300 và thép cuộn $\phi 6$, $\phi 8$ là các sản phẩm truyền thống và thế mạnh của Công ty. Ở các thị trường miền Tây và khu vực TP. HCM, An Hưng Tường tiêu thụ trên 13.000 tấn/tháng (Thép cuộn chiếm: 35÷40%), Thép Đông Nam Á tiêu thụ trên 7.000 tấn/tháng. Chính vì vậy áp lực cạnh tranh để tiêu thụ sản phẩm của Công ty là rất lớn.

1.2. Thuận lợi

- Được sự hỗ trợ của Tổng Công ty trong việc điều hành và công tác tiêu thụ sản phẩm;
- CBCNV Công ty có truyền thống đoàn kết, khắc phục khó khăn để thực hiện tốt và hoàn thành nhiệm vụ;
- Các công trình đầu tư đưa vào hoạt động kịp thời, cùng với việc thực hiện đổi mới công tác quản trị đã giúp nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.
- Nhìn chung, trong năm qua giá các nguyên vật liệu như than điện cực, phế liệu... có xu hướng giảm giúp tăng hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019: Lợi nhuận sau thuế đạt 25,294 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản

Tài sản tính đến cuối năm 2019 giảm 103,569 tỷ đồng (giảm 16,95%). Tài sản ngắn hạn giảm 127,995 tỷ đồng (giảm 24,31%); Tài sản dài hạn tăng 24,426 tỷ đồng (tăng 28,91%).

So với cùng kỳ, tỷ trọng tài sản dài hạn trên tổng tài sản tăng lên, tỷ trọng tài sản ngắn hạn trên tổng tài sản giảm đi. Nguyên nhân do trong năm đầu tư và mua sắm TSCĐ gần 37 tỉ đồng, cũng như là giá trị hàng tồn kho giảm.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ so với đầu kỳ giảm 95,920 tỷ đồng (giảm 26,71%), chủ yếu do tồn kho thép cán thành phẩm, phụ tùng và than điện cực cuối kỳ giảm.

2.2. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả cuối năm 2019 là 281,316 tỷ đồng: Giảm so với đầu kỳ là 79,867 tỷ đồng (giảm 22,11%) chủ yếu là khoản vay ngắn hạn ngân hàng cuối năm 2019 giảm so với đầu năm (giảm 79,867 tỷ đồng).

Nguồn vay vốn lưu động được kiểm soát chặt chẽ, sử dụng đúng mục đích, đảm bảo cho việc sử dụng nguồn vốn đạt hiệu quả.

Khoản đóng góp ngân sách: Trong năm 2019 Công ty đã nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 20,553 tỷ đồng.

3. Công tác quản lý, cung ứng vật tư nguyên liệu:

- Công ty đã chủ động cung ứng đủ, kịp thời số lượng các loại vật tư, nguyên liệu, phụ tùng cho sản xuất và sửa chữa thiết bị trong năm. Các nguồn cung cấp dần đi vào ổn định cả về chất lượng và giá cả.
- Bố trí hợp lý mặt bằng kho bãi, tạo điều kiện thuận lợi để bảo quản tốt vật tư hàng hóa ở từng đơn vị, quy hoạch các bãi bê tông chứa thép vụn. Vì vậy, có đủ điều kiện để chế biến liệu cho sản xuất thép luyện và lượng phế liệu tồn kho tới 31/12/2019 là 7.720 tấn.
- Sử dụng 100% liệu nội, tăng cường sử dụng các nguyên vật liệu trong nước sản xuất được, hỗ trợ sử dụng sản phẩm của các đơn vị trong hệ thống.
- Thực hiện tốt các quy định về công tác quản lý, nhập xuất vật tư, thành phẩm. Rà soát thanh lý các loại vật tư, phụ tùng không còn sử dụng trong sản xuất để thu hồi vốn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi giám sát các hoạt động, các công việc điều hành quản lý của Ban Tổng Giám Đốc, phối hợp với ban Kiểm soát kiểm tra các vấn đề chủ yếu sau:

- Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội Đồng cổ đông thường niên và Hội đồng Quản trị đề ra. Đặc biệt thường xuyên xem xét đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách đầu tư và các chỉ tiêu về kinh tế để có những biện pháp chỉ đạo kịp thời Ban Tổng Giám Đốc, Đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực định hướng phát triển Công ty.
- Công ty đã chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ của Công ty, quy chế quản lý tài chính và các quy định pháp lý hiện hành của Nhà nước.

Năm 2019 là năm tương đối khó khăn đối với Công ty CP Thép VICASA-VNSTEEL, với sự phấn đấu không ngừng của tập thể CBCNV Công ty, cùng với sự giúp đỡ và chỉ đạo kịp thời, toàn diện về nhiều mặt của lãnh đạo Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP, kết quả thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 của Công ty đạt mức tương đối ổn định các sản phẩm chủ lực về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đáp ứng đầy đủ, kịp thời các chủng loại sản phẩm, ổn định được thu nhập và đời sống cho CBCNV. Kết quả: Lợi nhuận trước thuế năm 2019 đạt 105,86% so với nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019 đề ra.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết như sau:

Stt	Tên cổ đông	Số CP sở hữu	Tỷ lệ	Ghi chú
01	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Lê Văn Cam)	3.796.875	25 %	Chủ tịch HĐQT (Thành viên chuyên trách)
02	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Huỳnh Công Du)	2.278.125	15 %	Tổng Giám đốc (Thành viên Ban điều hành Công ty)
03	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Võ Hựu)	2.278.125	15 %	Thành viên HĐQT (Thành viên chuyên trách)
04	Tổng công ty thép Việt Nam-CTCP (Đại diện: Ông Nguyễn Đông Vững)	1.518.750	10 %	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc (Ban điều hành Công ty)
05	Công ty Cổ phần Thép Đà Nẵng (Đại diện: Ông Nguyễn Bảo Giang)	1.084.629	7,14 %	Thành viên HĐQT (Thành viên không điều hành công ty)

b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị họp hàng quý trong năm. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị đều có sự tham dự của Ban kiểm soát với tư cách là quan sát viên.

Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên Hội đồng quản trị tại các cuộc họp HĐQT cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 như sau:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Số cuộc họp	Số lần tham dự
1	Lê Văn Cam	Chủ tịch HĐQT	5	5/5
2	Nguyễn Bảo Giang	Ủy viên HĐQT	5	5/5
3	Võ Hựu	Ủy viên HĐQT	5	5/5
4	Nguyễn Đông Vững	Ủy viên HĐQT	5	5/5

Qua các cuộc họp trên, Hội đồng quản trị đã ra các Nghị quyết trong năm như sau:

Stt	Số	Ngày	Nội dung																		
1	10/NQ-HĐQT-VCA	05/03/2019	<p>Nghị quyết HĐQT về kế hoạch SXKD Quý 1/2019</p> <p>Điều 1: Hội đồng quản trị nhất trí với các đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, Báo cáo tài chính, Báo cáo của Ban kiểm soát Quý IV/2018 và năm 2018. Các chỉ tiêu chính đạt được của Quý IV/2018 như sau:</p> <table border="1" style="margin-left: 20px;"> <thead> <tr> <th rowspan="2">TT</th> <th rowspan="2">Chỉ tiêu</th> <th colspan="2">Quý IV/2018</th> </tr> <tr> <th>Kế hoạch</th> <th>Thực hiện</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Sản lượng sản xuất</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>1.1</td> <td>Phôi thép (tấn)</td> <td>42.000</td> <td>47.684</td> </tr> <tr> <td>1.2</td> <td>Thép cán (tấn)</td> <td>42.000</td> <td>46.087</td> </tr> </tbody> </table>	TT	Chỉ tiêu	Quý IV/2018		Kế hoạch	Thực hiện	1	Sản lượng sản xuất			1.1	Phôi thép (tấn)	42.000	47.684	1.2	Thép cán (tấn)	42.000	46.087
TT	Chỉ tiêu	Quý IV/2018																			
		Kế hoạch	Thực hiện																		
1	Sản lượng sản xuất																				
1.1	Phôi thép (tấn)	42.000	47.684																		
1.2	Thép cán (tấn)	42.000	46.087																		

2	Sản lượng tiêu thụ		
2.1	Phôi thép (tấn)	-	-
2.2	Thép cán (tấn)	42.000	40.379
3	Lợi nhuận trước thuế (trđ)	14.300	4.371

Điều 2: Kế hoạch SXKD Quý 1/2019:

2.1 Nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh quý I/2019 như sau:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch Quý I/2019
Sản xuất:			
- Phôi thép	Tấn	195.000	40.000
- Thép cán	Tấn	180.000	37.000
Tiêu thụ:			
- Phôi thép	Tấn	9.500	-
- Thép cán	Tấn	180.000	42.000
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	30.165	7,5

2.2 Những tháng đầu năm 2019 thị trường tiêu thụ được cải thiện do giá bán tăng được điều chỉnh tăng. Kéo theo giá sắt thép vụn cũng tăng nhanh, thu mua gặp nhiều khó khăn. Yêu cầu Ban điều hành có biện pháp lâu dài, bền vững thu mua hợp lý đảm bảo khối lượng và cơ cấu liệu đáp ứng sản xuất liên tục, hiệu quả. Lưu ý cân đối tồn kho nguyên vật liệu trong giai đoạn thực hiện đầu tư cán thô.

2.3 Cân đối lùi thời gian lắp đặt cụm cán thô hàng dọc phù hợp với tình hình thị trường tiêu thụ đang tiến triển tốt và cần có lượng tồn kho thành phẩm phù hợp trước khi ngừng để triển khai lắp đặt.

2.4 Rà soát, chấn chỉnh công tác tồn kho nguyên vật liệu, đặc biệt đối với các nguyên vật liệu có giá trị lớn, chậm luân chuyển.

2.5 Ban điều hành nhanh chóng triển khai các biện pháp giảm các tiêu hao chính trong Luyện thép như phế liệu, điện, điện cực ngay trong tháng 03/2019.

2.6 Dự án cải thiện môi trường và chuyển đổi công năng KCN Biên hòa 1 có thể kéo dài thêm thời gian triển khai; yêu cầu Ban điều hành nghiên cứu thực hiện sớm các đầu tư ngắn hạn phù hợp để nâng cao năng lực cạnh tranh: Hệ thống nâng hạ điện cực tự động cho lò EAF, nghiên cứu việc đầu tư bổ sung Lò nung cán phôi nguội để tận dụng nguồn phôi giá rẻ trong nước...

2.7 Chuẩn bị tốt các nội dung tiến hành ĐHCĐ vào ngày 10/4/2019.

2	23/NQ-HĐQT-VCA	10/04/2019	<p>Nghị quyết: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019</p> <p>Điều 1. Thông qua Báo cáo tổng kết sản xuất kinh doanh năm 2018 và nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019</p> <p>- <i>Kết quả SXKD năm 2018:</i></p> <table border="1" data-bbox="863 493 1936 1223"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Đvt</th> <th>Kế hoạch</th> <th>Thực hiện</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thép Luyện</td> <td>tấn</td> <td>180.000</td> <td>206.091</td> </tr> <tr> <td>Thép Cán</td> <td>tấn</td> <td>150.000</td> <td>179.103</td> </tr> <tr> <td>Doanh thu thuần</td> <td>tỷ đồng</td> <td>2.328</td> <td>2.512</td> </tr> <tr> <td>Tiêu thụ Thép cán</td> <td>tấn</td> <td>150.000</td> <td>170.013</td> </tr> <tr> <td>Tiêu thụ Phôi thép</td> <td>tấn</td> <td>25.000</td> <td>16.823</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>tỷ đồng</td> <td>50.000</td> <td>40.142</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận sau thuế</td> <td>tỷ đồng</td> <td>40.000</td> <td>32.097</td> </tr> <tr> <td>Cổ tức</td> <td>%</td> <td>20</td> <td>30</td> </tr> </tbody> </table> <p>- <i>Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:</i></p> <table border="1" data-bbox="863 1317 1923 2146"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Tên chỉ tiêu</th> <th>Đvt</th> <th>Kế hoạch năm 2019</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Sản xuất</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>- Phôi thép</td> <td>tấn</td> <td>195.000</td> </tr> <tr> <td></td> <td>- Thép cán</td> <td>tấn</td> <td>180.000</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Tiêu thụ SP</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td></td> <td>- Phôi thép</td> <td>tấn</td> <td>13.000</td> </tr> <tr> <td></td> <td>- Thép cán</td> <td>tấn</td> <td>180.000</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Doanh thu</td> <td>tỷ đồng</td> <td>2.979</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>Tr.đồng</td> <td>30.165</td> </tr> <tr> <td>5</td> <td>Lợi nhuận sau thuế</td> <td>Tr.đồng</td> <td>24.132</td> </tr> <tr> <td>6</td> <td>Cổ tức</td> <td>%</td> <td>15%</td> </tr> </tbody> </table> <p>- <i>Kế hoạch đầu tư phát triển năm 2019</i> <i>ĐVT: Tỷ đồng</i></p> <table border="1" data-bbox="863 2240 1936 2725"> <thead> <tr> <th>Stt</th> <th>Tên dự án</th> <th>Tổng mức đầu tư</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>I</td> <td>Dự án chuyển tiếp:</td> <td><u>40,00</u></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Cán thô hàng dọc</td> <td>40,00</td> </tr> <tr> <td>II</td> <td>Dự án đầu tư mới</td> <td><u>20,00</u></td> </tr> <tr> <td>1</td> <td>Máy cắt băm phế liệu công suất 16-25 t/h</td> <td>20,00</td> </tr> </tbody> </table>	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện	Thép Luyện	tấn	180.000	206.091	Thép Cán	tấn	150.000	179.103	Doanh thu thuần	tỷ đồng	2.328	2.512	Tiêu thụ Thép cán	tấn	150.000	170.013	Tiêu thụ Phôi thép	tấn	25.000	16.823	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	50.000	40.142	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	40.000	32.097	Cổ tức	%	20	30	Stt	Tên chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	1	Sản xuất				- Phôi thép	tấn	195.000		- Thép cán	tấn	180.000	2	Tiêu thụ SP				- Phôi thép	tấn	13.000		- Thép cán	tấn	180.000	3	Doanh thu	tỷ đồng	2.979	4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	30.165	5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	24.132	6	Cổ tức	%	15%	Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư	I	Dự án chuyển tiếp:	<u>40,00</u>	1	Cán thô hàng dọc	40,00	II	Dự án đầu tư mới	<u>20,00</u>	1	Máy cắt băm phế liệu công suất 16-25 t/h	20,00
Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch	Thực hiện																																																																																															
Thép Luyện	tấn	180.000	206.091																																																																																															
Thép Cán	tấn	150.000	179.103																																																																																															
Doanh thu thuần	tỷ đồng	2.328	2.512																																																																																															
Tiêu thụ Thép cán	tấn	150.000	170.013																																																																																															
Tiêu thụ Phôi thép	tấn	25.000	16.823																																																																																															
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	50.000	40.142																																																																																															
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	40.000	32.097																																																																																															
Cổ tức	%	20	30																																																																																															
Stt	Tên chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019																																																																																															
1	Sản xuất																																																																																																	
	- Phôi thép	tấn	195.000																																																																																															
	- Thép cán	tấn	180.000																																																																																															
2	Tiêu thụ SP																																																																																																	
	- Phôi thép	tấn	13.000																																																																																															
	- Thép cán	tấn	180.000																																																																																															
3	Doanh thu	tỷ đồng	2.979																																																																																															
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	30.165																																																																																															
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	24.132																																																																																															
6	Cổ tức	%	15%																																																																																															
Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư																																																																																																
I	Dự án chuyển tiếp:	<u>40,00</u>																																																																																																
1	Cán thô hàng dọc	40,00																																																																																																
II	Dự án đầu tư mới	<u>20,00</u>																																																																																																
1	Máy cắt băm phế liệu công suất 16-25 t/h	20,00																																																																																																

Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2018.

Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán độc lập năm 2018.

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2018.

Điều 5. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ năm 2018.

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận năm 2017 chuyển qua năm 2018	30.412.239.687
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	32.097.073.408
3	Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến 31/12/2018	62.509.313.095
3	Chia cổ tức: 30% vốn điều lệ	45.561.966.000
4	Trích lập quỹ Phúc lợi, Khen thưởng: 10% lợi nhuận	3.209.707.340
5	Thưởng HĐQT, BKS, BDH, TKHĐQT	224.200.000
6	Lợi nhuận lũy kế còn lại chưa phân phối chuyển qua năm 2019	13.513.439.755

Đối với lợi nhuận lũy kế còn lại chưa phân phối: Đại hội đồng cổ đông nhất trí ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, quyết định phân phối lợi nhuận tại thời điểm thích hợp.

Điều 6. Thông qua Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2019	30.165.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2019 (Thuế TNDN 20%)	24.132.000.000
3	Lợi nhuận năm 2018 chuyển qua năm 2019	13.513.439.755
4	Chia cổ tức: 15% vốn điều lệ	22.780.983.000
5	Trích lập quỹ Phúc lợi, Khen thưởng: 10% lợi nhuận	2.413.200.000
6	Thưởng HĐQT, BKS, BDH, TKHĐQT	500.000.000
7	Lợi nhuận lũy kế còn lại chưa phân phối	11.951.256.755

Điều 7. Thông qua tiền lương và mức thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Thư ký HĐQT năm 2019:

- Tiền lương Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng:

+ Chủ tịch HĐQT: 41,00 triệu đồng/người/tháng.

- + Tổng Giám đốc: 40,00 triệu đồng/người/tháng
- + Ủy viên HĐQT: 29,00 triệu đồng/người/tháng
- + Phó Tổng Giám đốc: 34,00 triệu đồng/người/tháng
- + Trưởng Ban kiểm soát: 29,00 triệu đồng/người/tháng
- + Kế toán trưởng: 29,00 triệu đồng/người/tháng

- Thù lao của thành viên không chuyên trách HĐQT, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT:

- + Ủy viên HĐQT: 4,00 triệu đồng/người/tháng
- + Kiểm soát viên, thư ký HĐQT: 3,00 triệu đồng/người/tháng

** Đối với người quản lý tham gia Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát làm việc trực tiếp được Công ty trả lương hàng tháng theo chức danh quản lý chuyên trách, không hưởng thù lao hàng tháng chức danh kiêm nhiệm. Trường hợp Kiểm soát viên, thư ký HĐQT kiêm nhiệm hưởng lương chuyên môn nghiệp vụ, được hưởng thù lao theo quy định.*

Điều 8. Thông qua tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2019.

Điều 9. Thông qua tờ trình Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời điểm thích hợp để Niêm yết cổ phần Công ty trên sàn giao dịch chứng khoán HOSE.

Điều 10. Thông qua Tờ trình miễn nhiệm và bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023.

Điều 11. Kết quả bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023:

Stt	Họ Tên ứng viên	Vị trí ứng/đề cử	Tỷ lệ phiếu bầu
1	Ông Huỳnh Công Du	Thành viên HĐQT	99,81% số CPBQ dự họp

Điều 12. Đại hội nhất trí giao cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm triển khai các nội dung đã được Đại hội quyết nghị trên cơ sở tuân thủ pháp luật của Nhà nước và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Điều 13. Giao cho Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát, kiểm tra hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đảm bảo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

03	42/NQ-HĐQT-VCA	07/05/2019	<p> Nghị quyết HĐQT về kế hoạch SXKD Quý 2/2019</p> <p> Điều 1: Hội đồng quản trị nhất trí với các đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, Báo cáo tài chính, Báo cáo của Ban kiểm soát quý I năm 2019. Các chỉ tiêu chính đạt được của quý I năm 2019 như sau:</p> <table border="1" data-bbox="868 502 1953 1023"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Đvt</th> <th>Kế hoạch năm 2019</th> <th>Kế hoạch Quý I/2019</th> <th>Thực hiện Quý I/2019</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>SX Phôi thép</td> <td>Tấn</td> <td>195.000</td> <td>40.000</td> <td>47.138</td> </tr> <tr> <td>SX Thép cán</td> <td>Tấn</td> <td>180.000</td> <td>37.000</td> <td>43.594</td> </tr> <tr> <td>Tiêu thụ Thép cán</td> <td>Tấn</td> <td>180.000</td> <td>42.000</td> <td>52.935</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>Tr.đ</td> <td>30.165</td> <td>7.500</td> <td>12.135</td> </tr> </tbody> </table> <p> Điều 2: Kế hoạch SXKD Quý 2/2019:</p> <p> 2.1 Nhiệm vụ kế hoạch SXKD Quý 2/2019 như sau:</p> <table border="1" data-bbox="868 1178 1953 1816"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Đvt</th> <th>Kế hoạch năm 2019</th> <th>Kế hoạch quý 2/2019</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Sản xuất Phôi thép</td> <td>Tấn</td> <td>195.000</td> <td>51.000</td> </tr> <tr> <td>Sản xuất Thép cán</td> <td>Tấn</td> <td>180.000</td> <td>48.000</td> </tr> <tr> <td>Tiêu thụ thép cán</td> <td>Tấn</td> <td>180.000</td> <td>48.000</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>Trđ</td> <td>30.165</td> <td>12.000</td> </tr> </tbody> </table> <p> 2.2 Thị trường tiêu thụ quý 2 dự báo vẫn tiếp tục duy trì được tăng trưởng, cần đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo đầy đủ các mặt hàng; tăng cường quản lý chất lượng thép /V/ trong hệ thống; đẩy mạnh công tác tiết kiệm, giảm tiêu hao trong sản xuất. Tìm kiếm đối tác tiêu thụ lượng phôi nguội tồn kho trong quý I/2019.</p> <p> 2.3 Cân đối, sắp xếp thời gian lắp đặt cụm cán thô hàng dọc vào thời điểm thích hợp với yêu cầu đảm bảo hàng hóa đầy đủ cung ứng cho thị trường trong thời gian ngừng sản xuất .</p> <p> 2.4 Tiến hành nhanh chóng các thủ tục quy định đầu tư bổ sung Hệ thống nâng hạ điện cực tự động cho lò điện EAF và máy cắt bầm liệu.</p> <p> 2.5 Chú trọng bảo đảm công tác môi trường, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp.</p>	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch Quý I/2019	Thực hiện Quý I/2019	SX Phôi thép	Tấn	195.000	40.000	47.138	SX Thép cán	Tấn	180.000	37.000	43.594	Tiêu thụ Thép cán	Tấn	180.000	42.000	52.935	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.165	7.500	12.135	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch quý 2/2019	Sản xuất Phôi thép	Tấn	195.000	51.000	Sản xuất Thép cán	Tấn	180.000	48.000	Tiêu thụ thép cán	Tấn	180.000	48.000	Lợi nhuận trước thuế	Trđ	30.165	12.000
Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch Quý I/2019	Thực hiện Quý I/2019																																												
SX Phôi thép	Tấn	195.000	40.000	47.138																																												
SX Thép cán	Tấn	180.000	37.000	43.594																																												
Tiêu thụ Thép cán	Tấn	180.000	42.000	52.935																																												
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.165	7.500	12.135																																												
Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch quý 2/2019																																													
Sản xuất Phôi thép	Tấn	195.000	51.000																																													
Sản xuất Thép cán	Tấn	180.000	48.000																																													
Tiêu thụ thép cán	Tấn	180.000	48.000																																													
Lợi nhuận trước thuế	Trđ	30.165	12.000																																													

4	43/NQ-HĐQT-VCA	15/07/2019	<p> Nghị quyết HĐQT về kế hoạch SXKD Quý 3/2019</p> <p> Điều 1: Hội đồng quản trị nhất trí với các đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, Báo cáo tài chính, Báo cáo của Ban kiểm soát Quý II/2019. Các chỉ tiêu chính đạt được của Quý II/ 2019 như sau:</p> <table border="1" data-bbox="846 523 1953 1064"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Đvt</th> <th>Kế hoạch năm 2019</th> <th>Kế hoạch Quý 2/2019</th> <th>Thực hiện Quý 2/2019</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Luyện thép</td> <td>tấn</td> <td>195.000</td> <td>51.000</td> <td>47.797</td> </tr> <tr> <td>Cán thép</td> <td>tấn</td> <td>180.000</td> <td>48.000</td> <td>42.673</td> </tr> <tr> <td>Tiêu thụ thành phẩm</td> <td>tấn</td> <td>180.000</td> <td>48.000</td> <td>37.462</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>Tr.đ</td> <td>30.165</td> <td>12.000</td> <td>9.704</td> </tr> </tbody> </table> <p> Điều 2: Kế hoạch SXKD Quý 3/2019:</p> <p> 2.1 Nhiệm vụ kế hoạch SXKD quý 3/2019 như sau:</p> <table border="1" data-bbox="846 1211 1953 1681"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Đvt</th> <th>Kế hoạch năm 2019</th> <th>Kế hoạch quý 3/2019</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Luyện thép</td> <td>Tấn</td> <td>195.000</td> <td>51.500</td> </tr> <tr> <td>Cán thép</td> <td>Tấn</td> <td>180.000</td> <td>48.000</td> </tr> <tr> <td>Tiêu thụ Thép cán</td> <td>Tấn</td> <td>180.000</td> <td>45.000</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>Tr.đ</td> <td>30.165</td> <td>7.500</td> </tr> </tbody> </table> <p> 2.2 Thị trường tiêu thụ quý III dự báo vẫn còn nhiều khó khăn do tình hình bất động sản chậm giải ngân, tồn kho cao và cung cầu ngành tiếp tục chênh lệch khi các nhà máy thép mới được đưa vào sản xuất. Yêu cầu chỉ đạo, điều hành quản trị sản xuất tốt hơn nữa để giảm tiếp các tiêu hao chính, các chi phí sản xuất; tăng tỷ lệ nạy nóng trực tiếp trên 95%, nhanh chóng ổn định và phát huy tính đồng bộ của thiết bị cán thô mới đưa vào sử dụng.</p> <p> 2.3 Do chênh lệch công suất luyện cán khi cán D10, lượng phôi nguội tăng nhanh theo chu kỳ, cần có phương án giải quyết ổn định lâu dài để xử lý nhanh chóng và triệt để lượng phôi nguội tồn phát sinh trong chu kỳ sản xuất .</p> <p> 2.4 Hoàn tất các thủ tục đầu tư bổ sung để có thể triển khai đấu thầu Hệ thống nâng hạ điện cực tự động cho lò điện EAF trong Quý III/2019.</p> <p> 2.5 Chú trọng bảo đảm công tác môi trường, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp.</p> <p> 2.6 Hoàn tất hồ sơ để niêm yết cổ phiếu Công ty trên sàn HOSE đầu Quý IV/2019.</p>	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch Quý 2/2019	Thực hiện Quý 2/2019	Luyện thép	tấn	195.000	51.000	47.797	Cán thép	tấn	180.000	48.000	42.673	Tiêu thụ thành phẩm	tấn	180.000	48.000	37.462	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.165	12.000	9.704	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch quý 3/2019	Luyện thép	Tấn	195.000	51.500	Cán thép	Tấn	180.000	48.000	Tiêu thụ Thép cán	Tấn	180.000	45.000	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.165	7.500
Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch Quý 2/2019	Thực hiện Quý 2/2019																																												
Luyện thép	tấn	195.000	51.000	47.797																																												
Cán thép	tấn	180.000	48.000	42.673																																												
Tiêu thụ thành phẩm	tấn	180.000	48.000	37.462																																												
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.165	12.000	9.704																																												
Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch quý 3/2019																																													
Luyện thép	Tấn	195.000	51.500																																													
Cán thép	Tấn	180.000	48.000																																													
Tiêu thụ Thép cán	Tấn	180.000	45.000																																													
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.165	7.500																																													

05	47/NQ-HĐQT-VCA	14/10/2019	<p>Nghị quyết HĐQT về kế hoạch SXKD Quý 4/2019</p> <p>Điều 1: Hội đồng quản trị nhất trí với các đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch SXKD, Báo cáo tài chính, Báo cáo của Ban kiểm soát Quý III/2019. Các chỉ tiêu chính đạt được của Quý III/2019 như sau :</p> <table border="1" data-bbox="861 523 1966 1087"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Đvt</th> <th>Kế hoạch năm 2019</th> <th>Kế hoạch Q.3/2019</th> <th>Thực hiện Q.3/2019</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Luyện thép</td> <td>Tấn</td> <td>195.000</td> <td>51.500</td> <td>42.097</td> </tr> <tr> <td>Cán thép</td> <td>Tấn</td> <td>180.000</td> <td>48.000</td> <td>36.795</td> </tr> <tr> <td>Tiêu thụ thành phẩm</td> <td>Tấn</td> <td>180.000</td> <td>45.000</td> <td>36.035</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>Tr.đ</td> <td>30.165</td> <td>7.500</td> <td>3.328</td> </tr> </tbody> </table> <p>Điều 2: Kế hoạch SXKD Quý 4/2019:</p> <p>2.1 Nhiệm vụ kế hoạch SXKD quý 4/2019 như sau:</p> <table border="1" data-bbox="861 1240 1966 1728"> <thead> <tr> <th>Chỉ tiêu</th> <th>Đvt</th> <th>Kế hoạch năm 2019</th> <th>Kế hoạch quý 4/2019</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Luyện thép</td> <td>Tấn</td> <td>195.000</td> <td>51.500</td> </tr> <tr> <td>Cán thép</td> <td>Tấn</td> <td>180.000</td> <td>48.000</td> </tr> <tr> <td>Tiêu thụ Thép cán</td> <td>Tấn</td> <td>180.000</td> <td>45.000</td> </tr> <tr> <td>Lợi nhuận trước thuế</td> <td>Tr.đ</td> <td>30.165</td> <td>5.000</td> </tr> </tbody> </table> <p>2.2 Thị trường quý IV sẽ còn khó khăn, chưa có dấu hiệu hồi phục, tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức cho việc hoàn thành kế hoạch năm 2019. Yêu cầu Ban điều hành thận trọng, linh hoạt điều tiết tồn kho các nguyên vật liệu đầu vào, thành phẩm, phối thép đảm bảo hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2019 và tạo thuận lợi cho những tháng đầu năm 2020.</p> <p>2.3 Nhất trí lùi thời hạn để có thêm thời gian khảo sát, tính toán so sánh cụ thể tính kinh tế- kỹ thuật, lựa chọn kiểu máy chế biến liệu phù hợp công nghệ luyện thép hiện tại, đảm bảo phát huy tốt hiệu quả ngay sau đầu tư.</p> <p>2.4 Hội đồng quản trị nhất trí (5/5) về phương án xử lý vi phạm hợp đồng cung cấp thiết bị cơ máy cán của Công ty CP Vật tư và Thiết bị Toàn bộ (Matexim) do Tổng Giám đốc đề xuất theo hướng: Thuê Công ty có chức năng đánh giá giá trị kỹ thuật còn lại của thiết bị, làm cơ sở cho việc bồi thường vi phạm hợp đồng.</p> <p>2.5 Hoàn thành việc niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE).</p>	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch Q.3/2019	Thực hiện Q.3/2019	Luyện thép	Tấn	195.000	51.500	42.097	Cán thép	Tấn	180.000	48.000	36.795	Tiêu thụ thành phẩm	Tấn	180.000	45.000	36.035	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.165	7.500	3.328	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch quý 4/2019	Luyện thép	Tấn	195.000	51.500	Cán thép	Tấn	180.000	48.000	Tiêu thụ Thép cán	Tấn	180.000	45.000	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.165	5.000
Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch Q.3/2019	Thực hiện Q.3/2019																																												
Luyện thép	Tấn	195.000	51.500	42.097																																												
Cán thép	Tấn	180.000	48.000	36.795																																												
Tiêu thụ thành phẩm	Tấn	180.000	45.000	36.035																																												
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.165	7.500	3.328																																												
Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch năm 2019	Kế hoạch quý 4/2019																																													
Luyện thép	Tấn	195.000	51.500																																													
Cán thép	Tấn	180.000	48.000																																													
Tiêu thụ Thép cán	Tấn	180.000	45.000																																													
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	30.165	5.000																																													

c) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thu nhập	Thù lao	Tổng cộng
1	Lê Văn Cam	Chủ tịch HĐQT	624.730.000	0	624.730.000
2	Huỳnh Công Du	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc	517.436.000	0	517.436.000
3	Võ Hựu	Thành viên HĐQT	434.976.000	0	434.976.000
4	Nguyễn Đông Vững	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc	504.843.000	0	504.843.000
5	Nguyễn Bảo Giang	Thành viên HĐQT	0	48.000.000	48.000.000
6	Vương Thanh Đường	Phó Tổng Giám Đốc	538.275.000	0	538.275.000
7	Nguyễn Phước Hải	Trưởng ban kiểm soát	435.976.000	0	435.976.000
8	Lê Trọng Dung	Thành viên ban kiểm soát	470.757.000	36.000.000	506.757.000
9	Hồ Duy Khải	Thành viên ban kiểm soát	381.357.000	36.000.000	417.357.000
10	Nguyễn Thanh Hùng	Kế toán trưởng	463.160.000	0	463.160.000
	Tổng cộng		4.371.510.000	120.000.000	4.491.510.000

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Trong năm 2019 Công ty không có giao dịch cổ phiếu của của cổ đông nội bộ (Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Ban Tổng Giám Đốc, Kế toán trưởng).

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

Trong năm 2019 không có hợp đồng về giao dịch đối với cổ đông nội bộ.

VI. Báo cáo Tài chính năm 2019:

1. Ý kiến của Kiểm toán viên:

“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

Báo cáo kiểm toán năm 2019 của Công ty Cổ phần Thép VICASA - VNSTEEL được kiểm toán bởi **“CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM”** lập ngày 18 tháng 02 năm 2020.

Kiểm toán viên: **Nguyễn Anh Tuấn** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1472-2018-001-1) đã ký.

Phó Tổng Giám đốc: **Đặng Chí Dũng** (Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0030-2018-001-1) đã ký.

2. Báo cáo tài chính năm 2019:

2.1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019:

(Đơn vị tính: Việt Nam đồng)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		402.361.729.672	526.510.636.998
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	13.058.411.431	8.869.593.419
1. Tiền	111		13.058.411.431	8.869.593.419
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2		
III. Các khoản phải thu	130		114.311.354.480	140.677.457.213
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3a	111.826.691.985	129.501.388.329
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.14	1.883.463.162	10.383.611.057
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	666.199.333	877.457.827
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(65.000.000)	(85.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	263.138.797.522	359.058.788.627
1. Hàng tồn kho	141		263.706.344.368	359.644.715.669
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(567.546.846)	(585.927.042)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.853.166.239	17.904.797.739
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	4.221.071.724	3.960.736.061
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	VI.17	7.632.094.515	13.944.061.678
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.075.986.046	84.495.742.450
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220		86.513.413.141	73.361.779.569
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	86.513.413.141	73.361.779.569
- Nguyên giá	222		391.967.320.076	391.412.480.267
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(305.453.906.935)	(318.050.700.698)
III. Bất động sản đầu tư	230			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.479.045.285	4.358.487.540
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.8	4.479.045.285	4.358.487.540
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		14.083.527.620	6.775.475.341
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	14.083.527.620	6.775.475.341
5. Lợi thế thương mại	269			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		507.437.715.718	611.006.379.448

PPHH
CƠ
CƠ
TI
VICASA
VN HỒ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		281.316.268.102	361.182.955.973
I. Nợ ngắn hạn	310		281.316.268.102	361.182.955.973
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	20.482.736.453	62.743.256.415
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		129.992.725	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17	2.556.850.323	2.345.462.567
4. Phải trả người lao động	314		16.169.847.157	16.470.352.505
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.18	319.275.815	351.836.866
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19	3.570.440.418	2.284.921.129
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15	237.957.679.030	275.798.628.450
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		129.446.181	1.188.498.041
II. Nợ dài hạn	330			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		226.121.447.616	249.823.423.475
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25	226.121.447.616	249.823.423.475
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.873.220.000	151.873.220.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.873.220.000	151.873.220.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.441.721.380	20.441.721.380
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.999.169.000	14.999.169.000
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		38.807.337.236	62.509.313.095
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.513.439.755	30.412.239.687
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.293.897.481	32.097.073.408
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		507.437.715.718	611.006.379.448

2.2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019:

(Đơn vị tính: Việt Nam đồng)

Stt	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	NĂM 2019	NĂM 2018
1		2	3	4	5
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	2.231.355.645.625	2.522.820.554.976
2	Các khoản giảm trừ doanh thu (02=04+05+06+07)	02	VII.2	17.306.039.624	10.662.580.727
2.1	- Chiết khấu thương mại	04		17.306.039.624	8.162.280.727
2.2	- Giảm giá hàng hoá	05		-	-
2.3	- Hàng bán bị trả lại	06		-	2.500.300.000
2.4	- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp	07		-	-

3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2.214.049.606.001	2.512.157.974.249
4	Giá vốn hàng bán	11	VII.3	2.124.561.258.229	2.423.070.186.176
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		89.488.347.772	89.087.788.073
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	314.750.652	1.234.357.459
7	Chi phí tài chính	22	VII.5	14.247.408.942	8.471.613.979
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		14.038.605.333	8.471.208.657
8	Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
9	Chi phí bán hàng	25	VII.8.b	21.764.844.439	21.313.685.450
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8.a	22.072.089.887	19.605.868.066
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		31.718.755.156	40.930.978.037
12	Thu nhập khác	31	VII.6	1.106.180.495	768.900.973
13	Chi phí khác	32	VII.7	1.065.750.000	1.557.400.000
14	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		40.430.495	(788.499.027)
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		31.759.185.651	40.142.479.010
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (20%)	51	VII.10	6.465.288.170	8.045.405.602
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		25.293.897.481	32.097.073.408
19	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	61			
20	Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát	62			
21	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.665	1.887
22	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Toàn văn Báo cáo Kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần thép VICASA-VNSTEEL được lưu trên Website www.vicasasteel.com và địa chỉ www.thepbienhoa.com.vn

Trên đây là toàn bộ báo cáo thường niên năm 2019 của: **Công ty Cổ phần Thép VICASA-VNSTEEL; Mã chứng khoán: VCA.**

Trân trọng.

Biên Hòa, ngày 28 tháng 02 năm 2020

Thay mặt Ban điều hành Công ty

TỔNG GIÁM ĐỐC



Huỳnh Công Du